



TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

GS.TS HOÀNG CHÍ BẢO

*Chuyên gia cao cấp, Nguyên Ủy viên
Hội đồng Lý luận Trung ương*

VỀ BẢN VĂN DI CHỨC THIÊNG LIÊNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết Di chúc từ ngày 10/5 đến ngày 15/5/1965, vào dịp sinh nhật 75 tuổi. Người khiêm nhường chỉ gọi là một bức thư, là “mấy lời để lại” cho đồng bào và các đồng chí trong Đảng trước lúc đi xa - đi gặp cụ Các Mác - Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác.

Vào các năm sau, 1966 và 1967, Người đọc lại, suy nghĩ rất nhiều từ bản “Tài liệu tuyệt đối bí mật” này. Năm 1968, lúc đã 78 tuổi, Người sửa chữa, bổ sung rất kỹ, có những đoạn gần như Người viết lại. Năm 1969, cũng vào dịp tháng 5 sinh nhật, Người sửa chữa lần cuối cùng. Bản văn 1000 từ đã hoàn chỉnh và bốn tháng sau Người vĩnh biệt chúng ta. Khoảnh khắc mà trái tim của Người ngừng đập cũng là giờ phút mà những năm trước đó, Người đã viết và sửa Di chúc, 9 giờ - 9 giờ 47 phút buổi sáng. Sau 24 năm liền là Chủ tịch nước, nguyên thủ quốc gia, Người trở về thế giới Người Hiền, vào đúng ngày Quốc khánh 02/9. Với Hồ Chí Minh, con người mà thế giới đánh giá rằng, ... “là một lãnh tụ hiếm hoi đã trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống” thì những sự kiện, những chi tiết trùng hợp đó đã trở nên rất đổi thiêng liêng trong tâm thức của chúng ta.

Đã 54 năm lịch sử về sự ra đời của bản văn do Người trực tiếp đánh máy lần đầu tiên kèm theo bút tích các bản viết tay với sự sửa chữa rất công phu của Người. Người còn mời Tổng Bí thư của Đảng - đồng chí Lê Duẩn đến ký một chữ ký chứng kiến. Người trao bản thảo Di chúc



cho đồng chí Vũ Kỳ, thư ký đặc biệt luôn ở bên Người hơn 1/4 thế kỷ cất giữ với lời dặn thân tình, cảm động: “Chú nhớ giữ bí mật cho Bác, đừng nói lộ ra ngoài để nhân dân lo lắng. Chỉ khi Bác đi rồi, chú hãy báo với Trung ương, Bác có bức thư để lại”.

Cả một đời tiết kiệm bởi thương dân vô hạn, Người đã viết Di chúc trên cả mặt sau tờ tin tham khảo của Việt Nam thông tấn xã. Chi tiết đó được Việt Phương nhắc tới trong bài thơ khóc Bác suốt những ngày tang lễ ... “Sau bản tin một đêm, Người ký thác chuyện muôn đời”. Trong nỗi đau mất mát không gì có thể đền bù, trong cảm giác trống trải không gì có thể khóa lấp, “đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa”, Việt Phương đã nói hộ lòng ta điều chân thật nhất khi Bác Hồ “rời cõi tạm” với nỗi đau nhân thế, đi vào cõi trường sinh.

“Ngừng đập trái tim tốt bậc con người

Cây cỏ, đất trời không thật nữa

Mắt ta nhìn sắc màu cũng già
Ôi ước gì không thật cả nỗi đau
mồ côi”.

Trong muôn vạn bức điện và thư chia buồn với Đảng và nhân dân ta, từ khắp mọi miền thế giới gửi tới Hà Nội về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, lời của Phiden Cátxtơ Rugiô - lãnh tụ Cu Ba thật sự thấu hiểu và thấu cảm về Người: “Đồng chí Hồ Chí Minh thuộc về một lớp người đặc biệt mà cái chết lại gieo mầm cho sự sống, đời đời bất diệt”.

Trong điều văn do đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc tại lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quảng trường Ba Đình sáng ngày 09/9/1969 có 5 lời thề vĩnh biệt Người. Nội dung 5 lời thề cao cả thiêng liêng đó đã chất lọc từ nội dung Di chúc của Người. Trong giờ phút đau thương đó, Đảng ta đã công bố Di chúc của Bác Hồ. Nửa thế kỷ qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã ra sức thực hiện Di chúc, thực hiện những lời thề trước



anh linh của Bác. Người đã viết trong Di chúc:

... “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹.

Người căn dặn, “sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diễu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”². Người “để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”³. Người cũng “gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế”⁴.

Kết thúc bản Di chúc, Người bày tỏ điều mong muốn cuối cùng, đó là tâm nguyện của Người, “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁵. Đó chính là những biểu hiện cao quý và cảm động về triết lý nhân sinh, triết lý sống và hành động của Người.

Triết lý nhân sinh, triết lý sống và hành động của Hồ Chí Minh

Triết lý là một hình thái biểu hiện của tư tưởng triết học, có quan hệ mật thiết với triết học, nhất là trong truyền thống tư duy của phương Đông, của Việt Nam.

Triết học có tính hệ thống với những luận đề có sức khái quát hóa, trừu tượng hóa khoa học rất cao, ở tầm phổ quát, bàn về thế giới quan. Cố giáo sư Trần Văn Giàu nói về triết học như một “vũ trụ quan”. Triết học là lý luận về bản thể và lý luận về nhận thức bản thể, đó là một hệ thống học thuyết về bản thể luận và nhận thức luận. Triết lý thiên về đạo đức, lẽ sống và lối sống của con người, ở đời và hành đạo, do đó triết lý nổi bật về nhân sinh quan. Trong các dạng thức của triết lý, nổi bật và bao trùm hơn cả là triết lý nhân sinh.

Nhận thức của cố giáo sư Trần

Văn Giàu về triết lý rất đáng lưu ý để chúng ta cùng suy ngẫm. Ông cho rằng, triết lý là triết học tự nói về mình một cách khiêm tốn.

Triết học, từ lịch sử ra đời của nó đã mấy ngàn năm được thừa nhận là “tình yêu đối với sự thông thái”, có lô gích chặt chẽ, có hệ thống khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật nhằm lý giải nguồn gốc, bản chất của thế giới (tồn tại) và con người có thể nhận thức thế giới được hay không, như thế nào, định vị con người trong thế giới đó và vai trò của nó - nó tồn tại và hoạt động như thế nào trong thế giới đó. Lý giải mối tương quan giữa thế giới với con người và loài người từ bình diện triết học là vô số những quan điểm, quan niệm và phương pháp khác nhau từ duy tâm đến duy vật, biện chứng và siêu hình, khả tri và bất khả tri, nhất nguyên và nhị nguyên, khách quan và chủ quan... Mọi trường phái, triết thuyết đều tham gia vào việc trả lời câu hỏi “Vấn đề cơ bản của triết học”.

Trong khi đó, triết lý hướng nỗ lực của mình vào câu chuyện nhân sinh, thế sự. Triết lý không tự ràng buộc mình vào tính hệ thống và những khái quát trừu tượng. Triết lý thiên về tổng kết những trải nghiệm, biểu đạt tư tưởng và lý luận thông qua những mệnh đề, châm ngôn, đúc kết những kinh nghiệm từ đời sống, từ những mối quan hệ, liên hệ con người và xã hội, hướng đích tới những bài học đạo lý, nhân sinh.

Triết học mang tính hàn lâm. Triết lý chú trọng sự dung dị nhưng không vì thế mà nó kém phần sâu sắc.

Có triết lý dân gian mà cũng có triết lý bác học. Triết học đem lại sự hiểu biết có tính duy lý. Triết lý gắn liền hiểu biết với cảm nhận, suy tưởng, có trực tiếp mà cũng có gián tiếp. Trong không ít trường hợp, tính chân lý thể hiện qua triết lý lại vô cùng sâu sắc. Triết lý dân gian như trí khôn, trí tuệ của quần chúng, đằm sâu chất thực tiễn và kinh nghiệm sống, được cuộc sống mách bảo và chứng thực. Triết lý bác học cũng không tách rời cội

nguồn này. Cùng với những tri thức được hình thành từ sự mách bảo của trường đời và kinh nghiệm, nó còn được rọi sáng bởi học thức, được nâng cao bởi trí tuệ, đạo đức, tâm hồn của những tri thức ưu thời mẫn thế, có sức cảm hóa lớn từ những điều được họ nói ra, viết ra mang ý nghĩa khai tâm, khai sáng cho đương thời và hậu thế.

Nguyễn Trãi là một ví dụ điển hình: “Trãi biến cố nhiều thì trí lự sâu/Lo công việc xa thì thành công lạ”.

Nguyễn Du cũng là một ví dụ điển hình: “Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài”. Nguyễn Du - đại thi hào, không chỉ cổ điển mà còn rất hiện đại, “Rằng trong lẽ phải có người có ta”.

Nguyễn Trãi hiểu dân, ơn dân và thương dân, cho nên: “Bữa ăn dù cho dưa muối/Áo mặc nài chi gấm là” và ông lựa chọn đạo lý: “Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày”. “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”.

Nguyễn Du làm quan trong triều mà lại rất kiệm lời. Ba mươi tuổi mà mái tóc bạc trắng như sương tuyết. Ông mang nỗi đau đời và thân phận con người “Trải qua một cuộc bể dâu, những điều trông thấy mà đau đớn lòng”. Ông tự hỏi lòng mình “Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố Như”. Nỗi đau của thi hào như một bi kịch thời đại ông.

Hồ Chí Minh - nhà nhân văn chủ nghĩa hiện đại, kết tinh tư tưởng, trí tuệ, tâm hồn dân tộc đồng thời vươn tới tầm thời đại, gắn liền Ái Quốc với Ái Dân, “Trung với Nước, Hiếu với Dân”, “Trung với Đảng, Hiếu với Dân”. Người đã từng trở về Côn Sơn trước và sau khi viết Di chúc. Người đã bao lần ngâm Kiều, lấy Kiều trong những thời điểm khác nhau, trong những hoàn cảnh và sự kiện khác nhau, biểu hiện không chỉ một trí tuệ thông thái mà còn mẫn cảm, mẫn tiệp trong tư duy và vô cùng tinh tế trong ứng xử. Người không chỉ có triết lý mà còn thấm nhuần tinh thần minh triết. Trong triết lý và minh triết Hồ Chí Minh, ta còn nhận ra những chủ kiến, chủ



thuyết của Người, ở đó, Tổ quốc - Dân tộc và Nhân dân là trường tồn; Phát triển cốt ở sự hài hòa; Độc lập tự do là quý nhất; Và Độc lập - Tự do cũng như dân chủ, công bằng, bình đẳng phải dẫn đến Hạnh phúc cuộc sống của nhân dân. Đó là chỗ đến của giải phóng và phát triển. Muốn vậy, cán bộ đảng viên phải phấn đấu hy sinh, một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc và nhân dân. "Học để làm việc, học để phụng sự Tổ quốc, giai cấp, dân tộc và nhân loại. Học để làm cán bộ. Học để làm người. Muốn đạt mục đích ấy, trước hết phải cần kiệm liêm chính". Muốn vậy, Đảng phải là đạo đức, là văn minh⁶.

Trong Di chúc, Người nhấn mạnh: Trước hết nói về Đảng và Đảng phải thật trong sạch. Đầu tiên là công việc với con người. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết⁷.

Trong bản văn Di chúc 1000 từ để lại, triết lý nhân sinh của Hồ Chí Minh là triết lý sống và hành động, triết lý ở đời và làm người, kết hợp nhuần nhuyễn chất dân gian và trí tuệ bác học, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế ở tầm thời đại.

Trong toàn bộ các trang bản thảo Di chúc, từ bản đầu tiên, tháng 5/1965 đến những trang trong lần

sửa cuối cùng tháng 5/1969, hợp thành chỉnh thể Di chúc, ta thấy hiện lên một cách nhất quán triết lý nhân sinh của Người. Triết lý Hồ Chí Minh là sự biểu hiện tư tưởng của Người. Cùng với tư tưởng còn là đạo đức và phong cách rất nổi bật và đặc sắc của Người. Cô đọng và hàm súc, giản dị mà sâu sắc, đời thường mà vĩ đại.

- Triết lý nhân sinh của Người mang tinh thần chủ động, tỉnh táo, sáng suốt nhận rõ cái hữu hạn của đời người để sống hết mình và khi từ biệt thế giới này không có điều gì hối hận.

Trong bản viết đầu tiên, tháng 5/1965, với tuổi 75, Người tự thấy mình "đã là lớp người xưa nay hiếm", đúng như Đỗ Phủ, nhà thơ nổi tiếng đời nhà Đường đã nói "Nhân sinh thất thập cổ lai hy".

Nói tới sự ra đi của một bản thể hữu hạn, Người tỏ rõ sự thanh thản "Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa".

Người không hề nói một từ nào trong Di chúc về cái chết. Người gọi cái kết cục tất yếu ấy của đời người bằng lời lẽ chủ động "Tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác".

Người chủ động "để lại mấy lời này" để "đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột".

Ở bản viết năm 1968 khi đã 78 tuổi, Người tự nhận thấy mình đã thuộc lớp người "trung thọ" và Người chủ động, tỉnh táo nhận xét rằng, "người ta đến khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp. Đó là một điều bình thường". Người chắc hẳn suy nghĩ rất nhiều về cái chết nhưng lại không một lần nào dùng tới từ "chết" mà thông thường người đời nghĩ về nó với cảm giác mất mát, đau đớn, xót xa. Thay vào đó, Người nói về sự "từ biệt thế giới này", về sự "đã qua đời".

Ngày 10/5/1969, trong lần sửa cuối cùng, Người lại có cách diễn đạt khác, thừa nhận một thực tế "sức khỏe có kém so với vài năm trước đây" nhưng "tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt". 79 tuổi, Người vẫn không nghĩ tới tuổi già. Trước đó, lúc 78 tuổi, Người vẫn làm thơ nói về bản thân mình trong tư thế ung dung, chủ động, sáng suốt của một con người suốt đời hành động: "Bảy mươi tám tuổi chưa già lắm/ Vẫn vững hai vai việc nước nhà/ Kháng chiến toàn dân đang tiến tới/ Tiến bước ta cùng con em ta".

Nói tới quy luật của muôn đời, của chu trình sinh học "Sinh - Lão - Bệnh - Tử", Người nêu lên một nhận xét đượm màu triết lý "Khi người ta đã "ngoại 70 tuổi", thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ". Tinh thần duy lý đó là chủ động chứ không bị động. Biết và thấy tình trạng sức khoẻ của mình, cái giới hạn tất yếu của tồn tại cá thể, Người cảm nhận và chấp nhận. Người là một chủ thể tự do trong tư duy, tư tưởng và hành động, bởi "tự do là nhận thức cái tất yếu và hành động như cái tất yếu" (Ăngghen). Thật là tinh tế, ở tuổi 75, Người dẫn thơ của "cụ" Đỗ Phủ. Nhưng ở tuổi 79, vẫn lời dẫn ấy, "nhân sinh thất thập cổ lai hy", Người đã đổi thành "ông" Đỗ Phủ, bởi Người đã bước tới "trung thọ". Nói về quỹ thời gian sống còn lại của mình, Người dường như nhận rõ những sự thay đổi không thể khác, cho nên từ "một điều bình thường" đến "điều đó cũng không có gì lạ" là những tháng năm Người



tự nhận thức và chiêm nghiệm.

Vào những năm cuối đời, theo đề nghị của Trung ương, Người thường có những chuyến đi chữa bệnh ở nước ngoài mà không công bố, lại thường vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc. Ở xa, nơi đất khách quê người, Bác Hồ thương nhớ đồng bào đồng chí, nhất là các cháu nhỏ.

Trong đêm giao thừa trên đất bạn (1967), Bác viết cho riêng mình mấy dòng thơ: "Thời gian đi chóng tựa đưa thoi/Thấm thoát xa nhà một tháng rồi/ Ngàn dặm nghe vui tin thắng trận/ Một mình nằm nghĩ chuyện xa xôi".

Vào lúc ấy, Di chúc để lại cho đời, Bác đã viết xong. "Chuyện xa xôi" ấy mà Người nằm nghĩ, đó chính là chuyện đến một lúc nào đó, Người sẽ từ biệt thế giới này. Tâm trạng Người hẳn chất chứa nhiều nỗi niềm, không có gì phải hối hận vì Người đã sống hết mình vì Dân vì Nước, chỉ có tiếc nuối về điều "không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa cho Tổ quốc và Nhân dân. Bởi vậy, Hồ Chí Minh là biểu tượng cao quý nhất của sự vị tha và lòng nhân ái. Đó là triết lý nhân sinh, là lẽ sống cao thượng của Người.

Có thể tìm thấy nhưng cung bậc, sắc thái khác nhau trong cùng một ý, một câu qua những bản viết của Người.

Năm 1965, Người viết: "Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?". Năm 1968, Người viết "Nhưng không ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa?". Năm 1969, Người lại viết "Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?".

Thời gian cứ như thu hẹp lại, ngắn và ngắn dần, đến cuối cùng thì không còn năm, tháng, không còn tháng, năm nữa mà chỉ còn trong giờ, trong phút mà thôi, chỉ còn được bao lâu nữa mà thôi. Đó là giới hạn, là điểm tới hạn, Người biết rõ hơn ai hết. Hơn nữa, trong

lời văn của Người, Người đã không còn nhắc đến sự sống mà chỉ còn nỗi lo toan phục vụ của Người đối với Cách mạng - Tổ quốc - Nhân dân mà Người hết lòng yêu thương, phục vụ, dâng hiến. Người nuối tiếc, không phải được sống lâu hơn như lẽ thường tình ở đời mà là không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Đó thực sự là dần thân, dâng hiến, quên mình đến mức hoá thân, đến mức tro xương, hài cốt thân thể của mình, Người cũng không nghĩ là thuộc về mình nữa. Linh cảm thấy, Người không chờ được đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Người căn dặn "nên gửi một ít tro xương cho đồng bào miền Nam".

Khi chữa Di chúc, Người đã gạch bỏ chữ "xương" chỉ để lại chữ "tro" và căn dặn, tro thì chia làm ba phần, bỏ vào ba cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam. Người còn có ý muốn nằm trong lòng đất mẹ, nơi Ba Vì, Tam Đảo, nghe nói có nhiều đồi đẹp. Thêm một lần, ta thấu hiểu tình yêu Tổ quốc và nhân dân của Người, đậm thắm, thủy chung, sâu sắc đến nhường nào.

Người còn tiêu biểu cho tinh thần lạc quan, luôn hướng tới tương lai tươi sáng và triển vọng tốt đẹp. Người làm chủ hoàn cảnh, vượt lên hoàn cảnh. Viết Di chúc vào dịp sinh nhật, cho nên, Người vui chứ không buồn, bởi sự sống vượt lên cái chết, sự sống mạnh hơn cái chết. Đó không chỉ là tinh thần lạc quan trong triết lý sống và hành động của Người mà còn thực sự là bản lĩnh văn hoá của Hồ Chí Minh.

Tinh thần lạc quan ấy đã giúp Người vượt lên mọi nghịch cảnh trên đường đời. Hãy hồi tưởng lại một vài sự kiện trong cuộc đời của Người. Vào những năm bên thềm của cách mạng tháng Tám, trên đường công tác, Người bị lính của Tưởng Giới Thạch khám xét, tra hỏi và bắt giam. Chúng giải Bác đi qua 30 nhà tù ở Quảng Tây, đẩy ả Người suốt 14 tháng trong cảnh cơ cực, lâm than. Vậy mà Người

vẫn làm thơ, không chỉ một bài mà cả tập 133 bài thơ bằng chữ Hán (Ngục trung nhật ký). Người tự nhủ "Thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao, muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao". Đó là ý chí sáng suốt và dũng khí chủ động tiến công.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nhận xét, Người có tâm hồn rộng lớn thời đại. Quả thật là như vậy. Bởi trong cuộc tù đầy mà Người đã trải, đi trong đêm tối, Người vẫn nhận ra "ánh lửa hồng" trong xóm núi: "... "Cô em xóm núi xay ngô tối/ Xay hết lò than đã rực hồng".

Từ hoàng hôn đến bình minh, Người vẫn cảm nhận "Hơi ấm bao la trùn vũ trụ, Người đi thi hứng bỗng thêm nồng". Tinh thần lạc quan ấy giúp Người tin yêu, củng cố vững chắc niềm tin từ bản thân mình để truyền cảm hứng tới mọi người - đồng chí, đồng đội, chiến sĩ, đồng bào "kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành". Tám người trong tổ giúp việc của Người được Người đặt tên, ghép lại thành một khẩu hiệu chiến đấu, thúc giục nhau luôn hành động, luôn nhớ tới nhiệm vụ: "Trường - Kỳ - Kháng - Chiến/ Nhất - Định - Thắng - Lợi".

Nhất quán như thế nên trong Di chúc, Người luôn khẳng định: "Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà" (bản viết tháng 5/1965).

Ở bản viết tháng 5/1969, Người lại một lần nữa khẳng định niềm tin vào thắng lợi hoàn toàn.

Người viết, "cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn".

Niềm tin ấy còn được Người nói rõ trong vấn đề khôi phục đoàn kết của các Đảng, các nước anh em "Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại".



Với Hồ Chí Minh, niềm tin và tinh thần lạc quan trong triết lý có cả lý lẫn tình, có trí tuệ khoa học nắm vững xu thế mà cũng có đạo đức, từ lương tâm đến trách nhiệm và nghĩa vụ.

Đó còn là chính trị ở tầm văn hóa chính trị, đặc biệt nổi bật trong đoạn văn nói về Đảng cầm quyền, về rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân của cán bộ đảng viên.

- Triết lý nhân sinh, triết lý sống và hành động trong Di chúc của Người còn thể hiện cô đúc trong một tư tưởng lớn, cũng là mối quan tâm thường trực suốt đời người: “Trước tiên nói về Đảng” và “Đầu tiên là công việc với con người”.

Bản viết năm 1965, Người căn dặn trước hết về Đảng, trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. Đó là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Người còn nhấn mạnh, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Nói tới Đảng cầm quyền, Người đặt lên hàng đầu yêu cầu phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân. Chỉ trong đoạn văn ngắn nói về Đảng cầm quyền nêu trên, Người đã bốn lần nhấn mạnh chữ “THẬT”.

Chỉ với một Đảng chân chính cách mạng như vậy mới có thể làm tròn sứ mệnh vẻ vang là giải phóng dân tộc, phát triển dân tộc tới chủ nghĩa xã hội và trọn đời phấn đấu hy sinh đem lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân.

Trong vấn đề con người, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tới thế hệ trẻ, thanh thiếu niên và nhi đồng của nước ta. Người căn dặn Đảng ta phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho đoàn viên thanh niên, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Người nhấn mạnh, “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết”.

Đây không chỉ là vấn đề của hiện tại mà còn của tương lai, là tư tưởng có tầm chiến lược và tầm nhìn dự báo của Người, liên quan đến sự phát triển bền vững của dân tộc mà trước hết là sự phát triển của bản thân thế hệ trẻ Việt Nam.

Người căn dặn Đảng ta “cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

Phấn đấu cho lợi quyền thực sự của dân, chăm lo tới đời sống hạnh phúc cho dân là khát vọng và hành động suốt đời của Hồ Chí Minh - nhà nhân văn chủ nghĩa vĩ đại, lãnh tụ của nhân dân, của dân tộc Việt Nam.

Người đã từng nói, đó là ham muốn, ham muốn tột bậc của Người.

Nhớ lại những ngày đầu xây dựng chính thể dân chủ cộng hòa, Người, ngay trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời, ngày 03/9/1945 đã kêu gọi các vị Bộ trưởng ủng hộ Người một chủ trương, phát động ngay một việc: “Mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi bữa là một bơ gạo, góp lại cứu dân nghèo, đói khổ” mà Người xin làm trước tiên.

Người cũng có thư gửi toàn thể quốc dân đồng bào ngay sau ngày tuyên bố độc lập về việc chính phủ do Người đứng đầu bắt đầu tiếp dân. Người đề nghị, mỗi đoàn Người tiếp sẽ không quá mười người và không quá một giờ, bởi Người muốn được nghe nhiều hơn ý kiến của dân.

Người cũng gửi thư cho toàn quốc đồng bào, chính quyền các cấp từ làng xã tới Trung ương, thông báo một quyết định của Người rằng, “Người sẽ nhận tất cả con liệt sĩ là con mình”, đồng thời, nói đi đôi với làm, Người gửi toàn bộ tiền lương của Người sang cụ Bộ trưởng Bộ Lao động cứu tế xã hội, lúc đó là bác sĩ Vũ Đình Tụng, một người ngoài Đảng, lại theo đạo Thiên Chúa để góp phần chăm lo cho các cháu.

Trên tư cách người đứng đầu chính phủ và nhà nước, Người chỉ thị: Chúng ta phải làm ngay, làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở và làm cho dân được học hành. Bốn điều cơ bản và cấp bách đó phải làm ngay để cho người dân phấn khởi, tin tưởng và xứng đáng là người dân của một nước độc lập.

Nhắc lại những sự kiện này để thấy sự nhất quán trong tư tưởng và sự thiết thực trong hành động của Người, suốt đời chăm lo tới cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Bởi “vô ngã vị tha” nên Người đã “nâng niu tất cả chỉ quên mình”, đã “quên nỗi mình đau để nhớ chung”, trong Di chúc, chữ Dân và tư tưởng nhân dân in dấu nổi bật, đậm nét. Trên giường bệnh, lúc lâm chung, Người vẫn minh mẫn, tỉnh táo nghĩ về dân, hướng tới dân, hỏi tin dân, thương dân vô hạn, không thể bỏ dân mà đi được. Triết lý nhân sinh, triết lý sống và hành động vì dân của Người là vậy, cao thượng, thiêng liêng, có giá trị và ý nghĩa muôn đời.

Ghi chú:

Nội dung Di chúc, các bản văn, từ năm 1965 đến năm 1969 xem trong: “Hồ Chí Minh, Toàn tập”, Tập 15, CTQG, H.2011. Các trang: 611-614; 615-618; 621-624. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, tr.625-631.

1 Hồ Chí Minh, Toàn tập, 15 tập, CTQG, H.2011, Tập 15, tr.623.

2 Hồ Chí Minh, Toàn tập, 15 tập, CTQG, H.2011, Tập 15, tr.623.

3 Sđđ, tr.624.

4 Sđđ, tr.624.

5 Sđđ, tr.624.

6 Hoàng Chí Bảo, Minh triết Hồ Chí Minh, Đề tài cấp Nhà nước.

6 Hoàng Chí Bảo, Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, CTQG, H.2017.

7 Xem Di chúc, Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 15, CTQG, H.2011, tr.612.